



**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN-HÀ NỘI**

Số: **115** /2020/QĐ-TGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ 17/08/2020)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 01 tháng 06 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thêm cổ phiếu TAR, loại cổ phiếu PVG (sàn HNX) khỏi Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 17/08/2020.

Theo đó, Danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 17/08/2020 bao gồm 399 mã chứng khoán (trong đó 277 mã chứng khoán sàn HSX và 122 mã chứng khoán sàn HNX) như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 114/2020/QĐ-TGD ngày 14 tháng 08 năm 2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC TIỀN

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 17/08/2020

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
1	AAA		1	AAV
2	ABT		2	ACB
3	ACC		3	AMV
4	ADS		4	ART
5	AGG		5	BCC
6	AMD		6	BPC
7	ANV		7	BTS
8	APC		8	BVS
9	APG		9	C69
10	ASM		10	CAP
11	ASP		11	CEO
12	AST		12	CIA
13	BBC		13	CPC
14	BCE		14	DAD
15	BCG		15	DAE
16	BFC		16	DBT
17	BIC		17	DGC
18	BID		18	DHP
19	BMC		19	DHT
20	BMI		20	DNP
21	BMP		21	DP3
22	BRC		22	DS3
23	BSI		23	DTD
24	BTP		24	DXP
25	BTB		25	EID
26	BVH		26	GMX
27	BWE		27	HAT
28	C32		28	HCC
29	C47		29	HDA
30	CAV		30	HHC
31	CCL		31	HHG
32	CDC		32	HHP
33	CII		33	HJS
34	CLC		34	HLC
35	CLL		35	HLD
36	CMG		36	HMH
37	CMX		37	HOM
38	CNG		38	HTC
39	COM		39	HUT

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
40	CRC		40	HVT
41	CRE		41	ICG
42	CSM		42	IDC
43	CSV		43	IDV
44	CTD		44	INN
45	CTG		45	ITQ
46	CTI		46	KLF
47	CTS		47	L14
48	CVT		48	LAS
49	D2D		49	LDP
50	DAG		50	LHC
51	DAH		51	LIG
52	DBC		52	MAC
53	DBD		53	MAS
54	DCL		54	MBS
55	DCM		55	MCC
56	DGW		56	NAG
57	DHA		57	NBC
58	DHC		58	NDN
59	DHG		59	NET
60	DIG		60	NHA
61	DMC		61	NTP
62	DPG		62	NVB
63	DPM		63	ONE
64	DPR		64	PBP
65	DRC		65	PCE
66	DRH		66	PDB
67	DRL		67	PGS
68	DSN		68	PLC
69	DVP		69	PMC
70	DXG		70	PMS
71	EIB		71	PPS
72	ELC		72	PSD
73	EVE		73	PSE
74	EVG		74	PTI
75	FCM		75	PVC
76	FCN		76	PVI
77	FIR		77	PVS
78	FIT		78	QHD

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
163	PGD			
164	PGI			
165	PHC			
166	PHR			
167	PJT			
168	PLP			
169	PLX			
170	PME			
171	PNJ			
172	POW			
173	PPC			
174	PTB			
175	PVD			
176	PVT			
177	RAL			
178	RDP			
179	REE			
180	ROS			
181	S4A			
182	SAB			
183	SAM			
184	SBA			
185	SBT			
186	SBV			
187	SC5			
188	SCD			
189	SCR			
190	SCS			
191	SFC			
192	SFG			
193	SFI			
194	SGN			
195	SHA			
196	SHI			
197	SHP			
198	SJD			
199	SJF			
200	SJS			
201	SKG			
202	SMB			
203	SMC			
204	SPM			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
205	SRC			
206	SRF			
207	SSC			
208	SSI			
209	ST8			
210	STB			
211	STG			
212	STK			
213	SVC			
214	SVI			
215	SZC			
216	SZL			
217	TAC			
218	TBC			
219	TCB			
220	TCD			
221	TCH			
222	TCL			
223	TCM			
224	TCO			
225	TCT			
226	TDC			
227	TDH			
228	TDM			
229	TDW			
230	THG			
231	THI			
232	TIP			
233	TLD			
234	TLG			
235	TMP			
236	TMS			
237	TNA			
238	TNC			
239	TNI			
240	TPB			
241	TPC			
242	TRA			
243	TRC			
244	TSC			
245	TTB			
246	TV2			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
247	TVS			
248	TVT			
249	TYA			
250	UIC			
251	VAF			
252	VCB			
253	VCI			
254	VDP			
255	VDS			
256	VFG			
257	VGC			
258	VHC			
259	VHM			
260	VIC			
261	VIP			
262	VJC			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
263	VMD			
264	VND			
265	VNE			
266	VNM			
267	VNS			
268	VPB			
269	VPH			
270	VPI			
271	VPS			
272	VRC			
273	VRE			
274	VSC			
275	VSH			
276	VSI			
277	VTO			

